

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/01/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+RC5	7:25	7+6	0+0		1+21	0+0	
2		P6+CI+VSP02	7:25	0+0+17	0+0+0		2+0+20	0+0+0	chuyen 1 P6- CI
3		TD1	7:25	22	0		22	0	
4		CLO	7:25	21	0		22	0	
5		RP3	9:25	22	0		22	0	
6		VSP02	9:25	10	0		20	0	
7		RP1+P2	9:25	20+0	0+0		15+7	0+0	
8		TD1+RP1	11:25	8+10	0+0		5+15	0+0	
9		RC4+RP3	11:25	7+11	0+0		5+17	0+0	
10		RC6+RCDM	11:25	6+5	0+0		8+14	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/2 người bkl0 về qua Clo 2/ Đi về trong ngày P2-7ng, VSP02-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 01	TO: P2 - RC5	CREW: LHM - ĐỨC - TDUNG	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT DŨNG	P2				30	58	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN QUỐC ĐẠT	P2				42	70	D-HANH	Vietnamese
3	ĐẠO NGUYỄN HUNG	P2					80	D-HANH	Vietnamese
4	PHẠM THỊ HỒNG HANH	P2					50	D-HANH	Vietnamese
5	ĐINH THUY QUYNH	P2					60	D-HANH	Vietnamese
6	HOANG VU THANH	P2					83	D-HANH	Vietnamese
7	TRAN THI XUAN	P2					52	D-HANH	Vietnamese
8	KURPANOV V.A	RC5	600	1	3		75	KH-THAC	Russian
9	TRINH VAN TIEN	RC5	400	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN NGOC TUAN	RC5	57	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HOÀNG TUNG	RC5	98-99	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN TRUNG	RC5	82	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI ĐỨC KHANH	RC5	58	1	6		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	7	0	0	453	72	1		
2	RC5	6	7	41	425	0	21		
TOTAL		13	7	41	878	72	22		
WEIGHT KG				41	878	72			

GRAND TOAL: 991 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2023	TO: P6 - CLI - VSP02	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:32
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: TUYỀN - VLinH - Vũ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	57-58	2	22		88	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN CÔNG LAM	VSP02	76-77	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	59	1	6		68	YTE	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	60	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	70-72	3	20		58	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	68-69	2	12		93	KH-THAC	Vietnamese
7	VLADISLAV GURIN	VSP02	55	1	5		101	KH-THAC	Russian
8	HOANG NGỌC ĐÔNG	VSP02	53	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG VIỆT THÀNH	VSP02	64-65	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	62	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	66-67	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	75	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	61	1	10		95	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	73-74	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN THẾ CƯỜNG	VSP02	63	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẠO XUÂN THẢO	VSP02					65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN HUƠNG	VSP02	54	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
18	GEFTMAN	VSP02	56	1	5		115	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	0	0	0	0	0	2		CHUYEN 1 PAX P6-CLI
2	CLI	0	0	0	0	0	0		
3	VSP02	18	25	170	1.378	0	20		
TOTAL		18	25	170	1.378	0	22		
WEIGHT KG				170	1.378	0			

GRAND TOAL: 1.548 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: TD1	CREW: CHIẾN - Mạnh - N.Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

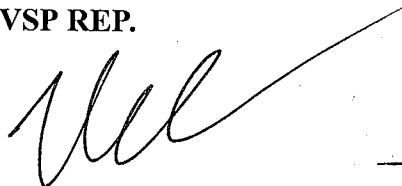
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1					117	KHOAN	Russian
2	STESHIN VALERIY	TD1	69	1	13		166	KHOAN	Russian
3	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	64	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM CÔNG TIẾN	TD1	85	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	95	1	3		57	KHOAN	Vietnamese
6	QUÁCH VĂN THẮNG	TD1	98	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
7	HUYNH NGỌC BÌNH	TD1	63	1	13		76	KHOAN	Vietnamese
8	MAI XUÂN TÙNG	TD1	91	1	3		82	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG VĂN MINH	TD1	93	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ MẠNH HẢI	TD1	99	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH CAO TRỌNG	TD1	65-66	2	13		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGHIÊM XUÂN VIỆT	TD1	94	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ QUANG ĐẠO	TD1	96-97	2	19		82	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	90	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HOANG	TD1	68	1	2		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	TD1	88	1	3		80	PSV	Vietnamese
17	LÊ XUÂN TÌNH	TD1	87	1	7		90	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN SỸ	TD1	86	1	2		54	PSV	Vietnamese
19	PHẠM THẾ THUẬN	TD1	89	1	6		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN LINH	TD1	200	1	12		66	DVL	Vietnamese
21	PHAN THANH TÀI	TD1	92	1	6		54	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN HÙNG DŨNG	TD1	67	1	11		75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

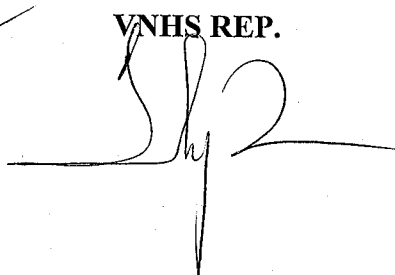
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	23	154	1.715	0	22		
TOTAL		22	23	154	1.715	0	22		
WEIGHT KG				154	1.715	0			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2023	TO: CLO	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - THỤ - Tú	ETA: 09:20
Voy-1			

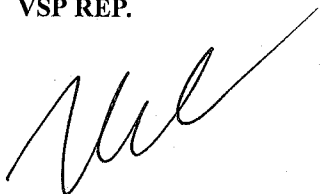
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI ĐỨC LUÂN	CLO	53-54	2	12		79	KHOAN	Vietnamese
2	HOANG VAN TRUNG	CLO	45	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY NAM	CLO	55	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	52	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN QUANG HUY	CLO	43	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ NGỌC LUÂN	CLO	63	1	3		85	KHOAN	Vietnamese
7	CHU ĐỨC AI	CLO	58	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN CHIẾN THẮNG	CLO	57	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN TÂM	CLO	42	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
10	CAO VĂN VIỆT	CLO	44	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
11	YANCHENKO SERGEY	CLO	51	1	11		82	ANTOAN	Russian
12	TRẦN QUANG HUY	CLO	49-50	2	20		93	DVL	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TIẾP	CLO	47-48	2	21	6	65	DVL	Vietnamese
14	NGUYỄN DUY ĐỒNG	CLO	59	1	4		70	PSV	Vietnamese
15	LÊ NHỎ CANG	CLO	46	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	HOANG HUU THU	CLO	60	1	3		78	PSV	Vietnamese
17	VŨ MẠNH HƯƠNG	CLO	65	1	4	45	52	PSV	Vietnamese
18	LẠI ĐÌNH HAI	CLO	62	1	7		83	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TUÂN	CLO	56	1	4		78	PSV	Vietnamese
20	NGÔ THẾ ANH	CLO	61	1	6		64	PSV	Vietnamese
21	LUƠNG MẠNH HƯƠNG	CLO	64	1	4		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	21	24	145	1.552	51	22		
TOTAL		21	24	145	1.552	51	22		
WEIGHT KG				145	1.552	51			

GRAND TOAL: 1.748 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: RP3	CREW: TUYỀN - VLin - Vũ	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	40	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
2	VOIEVODCHENKOV N.	RP3	48-49	2	20		98	KH-THAC	Russian
3	BUI ANH SON	RP3	38	1	2		73	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI VĂN THÀNH	RP3	28	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM QUANG TRUNG	RP3	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ TÂN CHÂU	RP3	39	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	31	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
8	LUƠNG TRỌNG DƯƠNG	RP3	27	1	6		55	PSV	Vietnamese
9	MAI VĂN TOÀN	RP3	24	1	12		60	PSV	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ANH	RP3	25	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGÔ ĐỨC MINH	RP3	37	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN THƯƠNG	RP3	32-33	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LUƠNG QUANG THƯƠNG	RP3	26	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	43-45	3	21		68	KH-THAC	Vietnamese
15	MAI NGỌC THIẾT	RP3	30	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	34	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	35-36	2	14		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	42	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
19	HOÀNG XUÂN HUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ THĂNG	RP3	50	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
21	HOÀNG VĂN HIỀN	RP3	46-47	2	15		55	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	29	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	27	187	1.556	0	22		
TOTAL		22	27	187	1.556	0	22		
WEIGHT KG				187	1.556	0			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2023	TO: VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Mạnh - N.Nam	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	84	1	6	25	71	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	79	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	78	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	82	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	89	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐO VĂN PHÚ	VSP02	81	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	85-86	2	16		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH DAN	VSP02	80	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	83	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	9	10	64	656	25	20		
TOTAL		9	10	64	656	25	20		
WEIGHT KG				64	656	25			

GRAND TOAL: 745 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/01/2023	TO: RP1 - P2	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Hạnh - N.ANH - THỤ - Tú	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TSOPANOV	RP1	62	1	5		97	KH-THAC	Russian
2	ĐÀO QUỐC UY	RP1	77-79	3	20		86	YTE	Vietnamese
3	KOROQLUEV RAMIL	RP1	63-64	2	12	20	79	KH-THAC	Russian
4	TRẦN QUANG TÙNG	RP1	73	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1	76	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	72	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	69	1	4		81	KH-THAC	Vietnamese
8	TAO QUANG NGÂN	RP1	67	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN MINH HIỆU	RP1	68	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	80	1	11		74	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	74-75	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BẠCH HÀ	RP1	60	1	8		56	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG THẾ ANH	RP1	83	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN BA QUÝ	RP1	70-71	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THUY	RP1	57-58	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG ĐÌNH BA	RP1	59	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	61	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	82	1	9		85	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ANH TUÂN	RP1	81	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VĂN SƯU	RP1	65	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	20	26	157	1.489	20	15		
2	P2	0	0	0	0	0	7		
TOTAL		20	26	157	1.489	20	22		
WEIGHT KG				157	1.489	20			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:02
FLIGHT: 8	TO: TD1 - RP1	CREW: HUNG - MTHAO - QTruong	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG	TD1	75-76	2	16		78	DVL	Vietnamese
2	HOANG DANG THIEN	TD1	74	1	15		69	DVL	Vietnamese
3	LE HOAI THIEN	TD1	72	1	8		75	DVL	Vietnamese
4	NHAM DUC TUAN	TD1	70	1	14	40	70	DVL	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THU	TD1	73	1	8		65	DVL	Vietnamese
6	HOANG NGOC KHANH	TD1	77	1	3		72	PSV	Vietnamese
7	DAU VIET BAC	TD1	78	1	3		74	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN DINH CUONG	TD1	81	1	7		80	PSV	Vietnamese
9	HOANG XUAN THI	TD1	71	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
10	NG PHI KHAI HOAN	RP1	92	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LE BA TUAN	RP1	85	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN BA LINH	RP1	93-95	3	18		62	KH-THAC	Vietnamese
13	LE DINH THANG	RP1	86	1	15		69	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN MINH BANG	RP1	87	1	6		85	PSV	Vietnamese
15	VU XUAN TIEN	RP1	88-89	2	18		70	PSV	Vietnamese
16	TRAN HIEP	RP1	84	1	6		75	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN DUY QUYEN	RP1	91	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	90	1	6		65	PSV	Vietnamese
19	PHAM DINH VAN	RP1	96	1	5		73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	10	79	655	40	5		
2	RP1	10	13	88	699	0	15		
TOTAL		19	23	167	1.354	40	20		
WEIGHT KG				167	1.354	40			

GRAND TOAL: 1.561 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2023	TO: RC4 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:05
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: CHIẾN - KHOÀN - DTùng	ETA: 13:45
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	68-69	2	7	40	65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN TUNG	RC4	72	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG HIỀU	RC4	74-75	2	18		55	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ HAI ANH	RC4	70-71	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHUNG ĐẠI DƯƠNG	RC4	76-77	2	18		81	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH CÔNG	RC4	73	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
7	MAI VĂN TUÔNG	RC4	67	1	5		66	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN DOÀN THANH	RP3	58	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC HUY	RP3	60	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ THANH LONG	RP3	53	1	8		92	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC OANH	RP3					65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN THANH CÔNG	RP3	51	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM THẾ PHONG	RP3	56	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO DUY TIẾN	RP3	59	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN VY	RP3	54	1	7		68	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	57	1	5		68	PSV	Vietnamese
17	TRẦN THANH HAI	RP3	52	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY CHÍNH	RP3	55	1	3		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	7	11	75	472	40	5		
2	RP3	11	10	59	754	0	17		
TOTAL		18	21	134	1.226	40	22		
WEIGHT KG				134	1.226	40			

GRAND TOAL: 1.400 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 17/01/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: RC6 - RCDM	CREW: Linh - NPhú - PTUẤN	ETA: 13:50
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÈ ANH	RC6	81	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	82	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG VAN TRUONG	RC6	76-77	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	75	1	5	30	85	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RC6	78-79	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
6	KIEU MINH QUYẾT	RC6	80	1	8		62	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY HUNG	RCDM	22-23	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG TỊ	RCDM	21	1	4	30	65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	18	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN KIỂM BÁC	RCDM	20	1	15		77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	17,19	2	10		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	6	8	62	428	30	8		
2	RCDM	5	7	46	364	30	14		
TOTAL		11	15	108	792	60	22		
WEIGHT KG				108	792	60			

GRAND TOAL: 960 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

pc (cây dũa m)